THÔNG BÁO GIA HẠN MỜI CHÀO GIÁ (Lần 1)

– Tên bên mời chào giá : TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

– Danh mục chào giá gồm : Hóa chất thí nghiệm (Sinh học phân tử)

– Hình thức lựa chọn : Chào giá cạnh tranh.

– Thời gian phát hành HSYC chào giá cạnh tranh : Vào lúc **13giờ00 ngày 3 tháng 9 năm 2020 đến ngày 11 tháng 9 năm 2020** (trong giờ hành chính).

– Địa chỉ phát hành và nhận HSYC chào giá: 02 Dương Quang Trung, P12-Q10.
ĐT : 028-38631039 (Phòng Thiết bị).

– Hạn cuối tiếp nhận HSĐX (báo giá) : **Trước 16giờ00 ngày 11 tháng 9 năm 2020.**

Ghi chú : Chỉ xét báo giá nêu đầy đủ các thông tin yêu cầu dưới đây :

- Danh mục sản phẩm (đính kèm danh mục bên dưới);
- Tổng giá trị hợp đồng (bao gồm thuế);
- Thời gian giao hàng *(nếu đặt hàng đề nghị ghi rõ thời gian giao hàng);*
- Hiệu lực báo giá;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận độc quyền sản phẩm liên quan đến sản phẩm chào giá (nếu có)
- Phương thức thanh toán : 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi ký nghiệm thu - thanh lý hợp đồng;
- Báo giá được để trong bao thư dán kín có niêm phong đóng dấu của đơn vị tham gia báo giá; và ghi rõ tên từng gói thầu bên ngoài hồ sơ chào giá;
- Đại diện đơn vị tham gia khi đến gửi hồ sơ chào giá phải ký nhận đầy đủ;

TRƯỞNG PHÒNG THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Đỗ Ninh

DANH MỤC ĐÍNH KÈM

STT	TÊN HÓA CHẤT	XUẤT XỨ	Quy cách	SL	ĐVT	GHI CHÚ
1	HI DNA Blood Kit (Spin column); bộ/50 mẫu	Việt Nam	Bộ/50 mẫu	10	Bộ	HI - 132
2	MyTaq Red Mix	Bioline	Bộ	10	Bộ	BIO-25043
3	Agarose	Bioline	Chai 100 g	4	Chai	
4	SDS, 10%(w/v) solution	Biobasic	Chai 100mL	4	Chai	
5	Acryl/Bis solution (37.5: 1), 40%	Biobasic	Chai 500mL	2	Chai	
6	Acrylamide	Biobasic	Chai 250g	2	Chai	
7	Bis-acrylamide	Biobasic	Chai 50g	2	Chai	
8	TEMED	Biorad	Chai 25mL	2	Chai	T9281
9	Ammonium Persulfate (APS)	Biorad	Chai 25g	2	Chai	
10	≥98% pure 2-mercaptoethanol (14.2 M)	Biorad	Chai 25mL	1	Chai	1610710
11	Dithiothreitol (DTT)	Biorad	Chai 5g	1	Chai	1610610
12	Glycine (aminoacetic acid)	Biorad	Chai 500g	1	Chai	
13	Precision Plus Protein™ Dual Color Standards (10 – 250 kD)	Biorad	Bộ	2	Bộ	1610374
14	Hyper PAGE (10 – 190 kD)	Bioline	Bộ	2	Bộ	BIO-33066
15	SENSI MIX II PROBE KIT, 500 rxn	Bioline	Bộ	2	Bộ	BIO-83005
16	Primers – Các cặp đoạn mồi (Đính kèm)	Genewiz	Đoạn	48		Primer – GENEWIZ – 25Nm

DANH MỤC ĐÍNH KÈM

(Phiếu Đề xuất hóa chất SHPT ngày 14/07/2020)

TRÌNH TỰ PRIMER SDM

1. Trình tự I148M PNPLA3 rs738409 C>G

Tên	Trình tự (5' – 3')	Độ dài	Tm	GC%	Độ dài khuếch đại
PNP-1-F	GAGCAAGGAGAGGAAGTTGAAG	22	62	50	655
PNP-1-R	GTGCTGGGATTACAGACATGAG	22	63	50	
PNP-2-F	GTCCGAGGGTGTATGTTAGTTC	22	62	50	608
PNP-2-R	TCAAGTGATCTGCCTGCTTC	20	62	50	

2. Trình tự *TM6SF2* E167K rs58542926 C>T

Tên	Trình tự (5' – 3')	Độ dài	Tm	GC%	Độ dài khuếch đại
TM6-1-F	GTGACAAAGGAGAACCTTCCA	21	62	47.6	622
TM6-1-R	AATCAAGATGTCCAGCCAGAG	21	62	47.6	
TM6-2-F	ACCTCAGCCTCCCGAATA	18	62	55.6	733
TM6-2-R	GATTGATGAGGCAGGTGGAT	20	62	50	

3. Trình tự MBOAT7 TMC4 rs641738 C > T

Tên	Trình tự (5' – 3')	Độ dài	Tm	GC%	Độ dài khuếch đại
MBO-1-F	TATTCCCAAGACACCCAAACTC	22	62	45.5	676
MBO-1-R	ATTTACACACGGTGACCTGTC	21	62	47.6	
MBO-2-F	AGCCTCTCCTATTCCCAAGA	20	62	50	704
MBO-3-R	TTTATCACCCAGATACCTGCAC	22	62	45.5	

4. Trình tự GCKR rs1260326

Tên	Trình tự (5’ – 3’)	Độ dài	Tm	GC%	Độ dài khuếch đại
G26-1-F	CGGAAATCGATACTGTGGTCTT	22	62	45.5	623
G26-1-R	GTCAGAGAGGTCTCCAAACTTTC	23	62	47.8	

5. Trình tự GCKR rs780094

Tên	Trình tự (5’ – 3’)	Độ dài	Tm	GC%	Độ dài khuếch đại
G94-1-F	GAGTGCAGTGGCACAATCTA	20	62	50	713
G94-1-R	AAGTTCCAGCGTGAGCTAAG	20	62	50	

TRÌNH TỰ PRIMER qPCR SYBR green

Tên đoạn mồi	Trình tự (5’ – 3’)	Length	Tm
PNPLA3 – A			
Primer C (F)	GAACCATACAAGGACGAAGTAG	22	64ºC
Primer G (F)	GAACCATACAAGGACGAAGTAC	22	64ºC
Primer shared (R)	ACAGCCCGTGGAGTCCCAGA	20	66ºC
Chiều dài khuếch đại: 123 nu			
PNPLA3 – C			
Primer C (R)	GGGGAAGATGTCACCGGAATA	21	64ºC
Primer G (R)	CGGGAAGATGTCACCGGAATA	21	64ºC
Primer shared (F)	GGATGAGACACGTTTCCCGTA	21	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 125 nu			

Tên đoạn mồi	Trình tự (5’ – 3’)	Length	Tm
TM6SF2 – A			
Primer T (F)	CTTCTTCCGTCCGGACTAGAA	21	64ºC
Primer C (F)	CTTCTTCCGTCCGGACTAGAG	21	66ºC
Primer shared (R)	ACGTCACTACGTTAGAACCGAG	22	66ºC
Chiều dài khuếch đại: 120 nu			
TM6SF2 – C			
Primer T (R)	ACCTCGACATAAACGGAAGGT	21	62ºC
Primer C (R)	GCCTCGACATAAACGGAAGGT	21	64ºC
Primer shared (F)	ACCCTGTTCCGGATTCTCCC	20	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 123 nu			

Tên đoạn mồi	Trình tự (5’ – 3’)	Length	Tm
MBOAT7 – A			
Primer T (F)	CGATCCACCCTCAGGACGA	19	62ºC
Primer C (F)	CGATCCACCCTCAGGACGG	19	64ºC
Primer shared (R)	TCGGACCTCTTGGTCCGATC	20	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 121 nu			

MBOAT7 – C			
Primer T (R)	ACCTCCTCCTTTCCCCTCC	19	62ºC
Primer C (R)	GCCTCCTCCTTTCCCCTCC	19	64ºC
Primer shared (F)	CGGACCCCGGTACCTTCTTT	20	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 129 nu			

Tên đoạn mồi	Trình tự (5’ – 3’)	Length	Tm
GCKR rs1260326 – A			
Primer T (F)	TGGCACCCAGTCTGGAACGA	20	64ºC
Primer C (F)	TGGCACCCAGTCTGGAACGG	20	66ºC
Primer shared (R)	AGTAGTCGTAGTGTACCGGTG	21	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 122 nu			
GCKR rs1260326 – C			
Primer T (R)	ACCACTCTCAGGTCGGCACT	20	64ºC
Primer C (R)	GCCACTCTCAGGTCGGCACT	20	66ºC
Primer shared (F)	ACGTGTCGGTCGGAAAGCTG	21	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 120 nu			

Tên đoạn mồi	Trình tự (5’ – 3’)	Length	Tm
GCKR rs780094 – A			
Primer T (F)	AGTTGTTTACATAACTAGTCGTTTA	25	64ºC
Primer C (F)	AGTTGTTTACATAACTAGTCGTTTG	25	66ºC
Primer shared (R)	TCCTTGTTAAGTCGTCCTAGTTT	23	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 127 nu			
GCKR rs780094 – C			
Primer T (R)	ATACACAGTCAGTACCAGATTTTT	24	64ºC
Primer C (R)	GTACACAGTCAGTACCAGATTTTT	24	66ºC
Primer shared (F)	AACACATAAATCATCTCTGTCGTA	24	64ºC
Chiều dài khuếch đại: 130 nu			

PRIMER MICRODEL Y

Primer	Sequence	Product size [bp]
ZFX/Y-F	5′-ACC RCT GTA CTG ACT GTG ATT ACA C-3′	495
ZFX/Y-R	5′-GCA CYT CTT TGG TAT CYG AGA AAG T-3′	